

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 26-8-2025.

V/v Ly hôn giữa bà Nhân và ông
Hòa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tổng Nê.

2. Bà Hồ Thị Lan Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 5 - Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, tỉnh Bến Tre tham gia
phiên tòa:** Bà Trần Hiền Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh
Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 17
tháng 02 năm 2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: số A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nay là: số 100C, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:**

Ông Trần Văn H, sinh năm 1970.

ĐKTT: số 100C, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nay là: số 100C, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: số 15, ấp Phước Định, xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh
Bến Tre.

Nay là: số 15, ấp Phước Định, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nguyên
đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Trần Văn H tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống rất hạnh phúc. Đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau không có khả năng hàn gắn. Do xác định tình cảm không còn nên bà xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: có Trần Thị Thúy A, sinh ngày 22/02/2001, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Vì lý do hoàn cảnh gia đình, bà không thể trực tiếp tham gia vụ án nên có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Trần Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 56, Luật HN&GD

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Trần Văn H.

+ Về con chung: có Trần Thị Thúy A, sinh ngày 22/02/2001, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

+ Về nợ chung: không có.

+ Về án phí: đương sự nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn, bị đơn ông Trần Văn H có địa chỉ thường trú tại xã P và địa chỉ tạm trú tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long thụ lý giải quyết vụ án “*Xin ly hôn*” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời bị đơn đến để tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án

ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn H.

[4] Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông H tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/9/1996 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tòa án đã triệu tập ông H để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông H đều vắng mặt, cũng không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thể hiện ông H không có nhu cầu hàn gắn quan hệ hôn nhân. Từ đó, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

[5] Về con chung: có Trần Thị Thúy A, sinh ngày 22/02/2001, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị N phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về con chung: có Trần Thị Thúy A, sinh ngày 22/02/2001, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: bà N khai không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị N phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006533 ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- Đương sự
- VKSND Khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long.
- Phòng THADS Khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long.
- UBND xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long.
- Văn phòng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Như Phương